

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 5 - 2023

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Nguyễn Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim A, sinh năm 1968; Địa chỉ: số 176, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; địa chỉ: số 176, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 12 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn bà Trương Thị Kim A trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào năm 1985, bà Trương Thị Kim A và ông Nguyễn Văn T quen biết nhau sau đó sống với nhau như vợ chồng nhưng không tổ chức đám cưới. Đến năm 2002, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã B, huyện L, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 309 ngày 20 tháng 12 năm 2002. Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc đến những năm gần đây thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống say lại về nhà chửi bới, hành hung bà A. Bà A đã khuyên giải nhiều lần

nhưng ông T không thay đổi, ông T còn đuổi bà A ra khỏi nhà nên từ tháng 02/2022 bà A đã dọn ra ngoài thuê nhà sống riêng. Từ ngày vợ chồng sống xa nhau đến nay đã hơn một năm nhưng vợ chồng vẫn không tìm cách hàn gắn được mà mạnh ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai, ngược lại ông T còn đến chỗ nhà trọ của bà A thuê ở để chửi bới. Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T để ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Quá trình chung sống bà A và ông T có 03 con chung tên Nguyễn Thanh A, sinh năm 1987, Nguyễn Thanh B, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Kim Q sinh năm 1992. Các con hiện nay đã trưởng thành có gia đình riêng nên bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất nhưng bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để bà A và ông T tự thỏa thuận với nhau. Trường hợp không thỏa thuận được thì bà A sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn bằng một vụ kiện khác.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Toà án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà A. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị Kim A có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T ngoài ra không có yêu cầu nào khác nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn” và bị đơn cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn T.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trương Thị Kim A và ông Nguyễn Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1985. Đến năm 2002 đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã B, huyện L, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 309 ngày 20 tháng 12 năm 2002 theo đúng quy định của pháp luật nên

quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà A trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc được đến năm 2022 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do ông T thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống say lại về nhà chửi bới, hành hung bà A. Bà A đã khuyên giải nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Từ tháng 02/2022, bà A đã thuê nhà sống riêng cho đến nay không đoàn tụ được. Tại phiên tòa ngày hôm nay bà A cho rằng tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A nhất quyết yêu cầu được ly hôn với ông T.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình cũng như không đến Toà án để trực tiếp trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà A. Toà án đã triệu tập ông T đến phiên toà xét xử lần thứ hai mà ông T cũng không đến toà án để tham gia phiên toà. Điều đó thể hiện ông T không mong muốn Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cuộc hôn nhân này ra sao thì ra.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà A và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Kim A đối với ông Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Theo bà A trình bày thì quá trình chung sống bà A và ông T có 03 con chung tên Nguyễn Thanh A sinh năm 1987, Nguyễn Thanh B, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Kim Q sinh năm 1992. Các con hiện nay đã trưởng thành đã có gia đình riêng nên bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn ông T không có ý kiến về con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Trương Thị Kim A trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để bà A và ông T tự thỏa thuận với nhau. Còn ông Nguyễn Văn T cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung.

[2.4] Về nợ chung: Bà Trương Thị Kim A cho rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn ông Nguyễn Văn T cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung của bà A và ông T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Kim A phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Trương Thị Kim A được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trương Thị Kim A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà A đã nộp theo biên lai số 0016328 ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Về kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo. Riêng đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã B, H.L, tỉnh Đ (GCN số 309/, ngày 20/12/2002)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội